

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233A/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2020
V/v tranh chấp về ly hôn giữa
chị H với anh P.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy.
2. Ông Huỳnh Vũ P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: tổ 07, ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Vũ P (Mạnh), sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: tổ 14, ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh chị cưới nhau từ năm 2009 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh P không chăm lo cuộc sống

gia đình. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống lâu dài nên chị Hyêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị An Nhi, sinh ngày 28/6/2010 và Đinh Thị Thúy Hằng, sinh ngày 16/11/2014, hai cháu đang do chị Hnuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông P.

Tại phiên tòa: Chị Hà có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không lý do.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản sao giấy khai sinh cháu Nhi, Hằng; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh P bắt đầu chung sống từ năm 2009, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do anh P không chăm lo cuộc sống gia đình. Nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh P.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị H và anh P, Hội đồng xét xử nhận định: chị H và anh P chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới nhưng

không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu ly hôn. Anh P không ý kiến đề mặc cho chị H xử lý quan hệ hôn nhân của anh chị, thể hiện anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung tên Đặng Thị An Nhi, sinh ngày 28/6/2010 và Đinh Thị Thúy Hằng, sinh ngày 16/11/2014, hai cháu đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh P ly thân 02 cháu Nhi, Hằng do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không cùng chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của chị H và nguyện vọng của cháu Nhi để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu Nhi, Hằng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Thu H và anh Huỳnh Vũ P.

2. Về con chung:

Giao 02 cháu Đặng Thị An Nhi, sinh ngày 28/6/2010 và Đinh Thị Thúy Hằng, sinh ngày 16/11/2014 cho chị Đặng Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Vũ P đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đặng Thị Thu H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: chị Đặng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001460 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ

Lê Trung Thành

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi